TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 16-Phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo vệ

Tháng 11 năm 2021

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương CN		Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ										Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN 2021	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**99**			**59.554.000**	**10**	**5.414.000**			**5**	**2.052.999**		**2.443.600**	**1.613.810**	**71.078.409**	**4.420.000**	**828.900**	**552.800**	**42.000**	**652.700**	**275.000**		**800.000**			**7.571.400**	**63.507.009**	
1	HL-01977	Trần Đại Nghĩa	Trưởng phòng	11.446.000	19	A		13.530.000	2	1.230.000			1	440.231				15.200.231	915.700	171.700	114.500		140.000	55.000					1.396.900	13.803.331	
2	HL-00068	Hà Trung Kiên	Phó phòng	10.483.000	21	A		11.506.000	2	1.046.000			1	403.192		1.966.800	200.000	15.121.992	864.900	162.200	108.200	21.000	139.900	55.000		800.000			2.151.200	12.970.792	
3	HL-00082	Nguyễn Đắc Hiếu	Phó phòng	10.483.000	19	A		11.506.000	2	1.046.000			1	403.192			480.000	13.435.192	877.100	164.500	109.700		122.800	55.000					1.329.100	12.106.092	
4	HL-01396	Nguyễn Kim Cương	Phó phòng	10.483.000	19	A		11.506.000	2	1.046.000			1	403.192		476.800	733.810	14.165.802	923.600	173.200	115.500		129.500	55.000					1.396.800	12.769.002	
5	HL-02807	Phạm Minh Tuấn	Phó phòng	10.483.000	21	B		11.506.000	2	1.046.000			1	403.192			200.000	13.155.192	838.700	157.300	104.900	21.000	120.500	55.000					1.297.400	11.857.792	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**57**			**23.804.000**			**12**	**2.565.384**	**4**	**837.039**	**73.382**	**149.000**		**27.428.805**	**1.346.100**	**252.500**	**168.300**		**256.600**	**165.000**					**2.188.500**	**25.240.305**	
6	HL-00153	Đỗ Mạnh Tưởng	Chuyên viên	5.609.000	19	A		8.932.000			4	862.923	1	215.731				10.010.654	448.800	84.200	56.100		94.200	55.000					738.300	9.272.354	
7	HL-02977	Đào Thị Bích	NV bảo vệ	5.978.000	19	A		7.436.000			4	919.692	1	229.923	73.382			8.658.997	478.300	89.700	59.800		80.300	55.000					763.100	7.895.897	
8	HL-06190	Trần Nhật Nam	Chuyên viên	5.088.000	19	A		7.436.000			4	782.769	2	391.385		149.000		8.759.154	419.000	78.600	52.400		82.100	55.000					687.100	8.072.054	
3	**20**	**Tổ bảo vệ**			**448**		**120.386**	**120.509.719**			**8**	**1.628.000**	**21**	**4.295.999**	**75.035**	**372.500**	**2.200.000**	**129.081.253**	**7.770.500**	**1.457.700**	**972.600**	**231.000**	**1.188.700**	**990.000**			**1.134.100**	**468.000**	**14.212.600**	**114.868.653**	
9	HL-02185	Đỗ Bích Phượng	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	4.950	4.954.710					1	191.615	35.731			5.182.056	398.600	74.800	49.900		46.600	55.000					624.900	4.557.156	
10	HL-04220	Nguyễn Thị Quyên	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	5.445	5.450.181					1	191.615	39.304			5.681.100	398.600	74.800	49.900		51.600	55.000					629.900	5.051.200	
11	HL-00158	Bùi Văn Vượng	Đội trưởng bảo vệ	5.978.000	26	A	10.800	10.811.116					1	229.923		223.500	200.000	11.464.539	496.200	93.100	62.100	21.000	108.100	55.000					835.500	10.629.039	
12	HL-00159	Cao Văn Khải	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	6.720	6.726.455					1	229.923			200.000	7.156.378	478.300	89.700	59.800	21.000	65.300	55.000					769.100	6.387.278	
13	HL-00133	Nguyễn Viết Ân	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	6.916	6.923.119					1	203.500			200.000	7.326.619	423.300	79.400	53.000	21.000	67.700	55.000			381.100		1.080.500	6.246.119	
14	HL-03114	Đỗ Văn Đăng	NV bảo vệ	5.291.000	18	A	7.425	7.432.642			8	1.628.000	1	203.500			200.000	9.464.142	423.300	79.400	53.000	21.000	89.100	55.000			249.000		969.800	8.494.342	
15	HL-02335	Trần Văn Diên	Bảo vệ cơ động	4.982.000	26	A	6.720	6.726.455					1	191.615			200.000	7.118.070	398.600	74.800	49.900	21.000	65.900	55.000			267.000		932.200	6.185.870	
16	HL-02826	Đinh Vĩnh Thành	Bảo vệ cơ động	5.978.000	26	A	4.950	4.954.710					1	229.923				5.184.633	478.300	89.700	59.800		45.600	55.000					728.400	4.456.233	
17	HL-00152	Nguyễn Đức Thuận	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	4.950	4.955.095					1	203.500				5.158.595	423.300	79.400	53.000		46.000	55.000					656.700	4.501.895	
18	HL-00069	Vũ Tuấn Linh	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	6.720	6.726.455					1	203.500			200.000	7.129.955	423.300	79.400	53.000	21.000	65.700	55.000					697.400	6.432.555	
19	HL-00161	Đỗ Trọng Huấn	Tổ trưởng cơ động	5.291.000	26	A	10.260	10.270.560					1	203.500		149.000	200.000	10.823.060	435.300	81.700	54.500	21.000	102.500	55.000					750.000	10.073.060	
20	HL-00719	Trịnh Trọng Thủy	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.892	8.901.152					1	203.500			200.000	9.304.652	423.300	79.400	53.000	21.000	87.500	55.000					719.200	8.585.452	
21	HL-01011	Nguyễn Văn Lẽ	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	4.950	4.954.710					1	229.923				5.184.633	478.300	89.700	59.800		45.600	55.000					728.400	4.456.233	
22	HL-01480	Phạm Trung Kiên	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.426	7.433.913					1	203.500			200.000	7.837.413	423.300	79.400	53.000	21.000	72.800	55.000					704.500	7.132.913	
23	HL-01789	Nguyễn Văn Hà	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	9.405	9.414.950					1	203.500			200.000	9.818.450	423.300	79.400	53.000	21.000	92.600	55.000					724.300	9.094.150	
24	HL-01994	Nguyễn Văn Việt	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	4.950	4.954.710					1	203.500				5.158.210	423.300	79.400	53.000		46.000	55.000					656.700	4.501.510	
25	HL-02237	Vũ Công Phê	NV bảo vệ	4.982.000	14	A	3.960	3.964.076					4	766.462			200.000	4.930.538	398.600	74.800	49.900	21.000	44.100	55.000			237.000	468.000	1.348.400	3.582.138	
26	HL-02922	Đặng Tuấn Anh	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	4.950	4.954.710					1	203.500				5.158.210	423.300	79.400	53.000		46.000	55.000					656.700	4.501.510	
4	**21**	**Tổ bảo vệ KV Khe Sim - Chung cư HR**			**333**		**120.285**	**120.408.804**			**46**	**9.686.039**	**14**	**2.843.729**		**953.600**		**133.892.172**	**5.979.900**	**1.121.800**	**748.300**		**1.260.200**	**770.000**			**851.000**		**10.731.200**	**123.160.972**	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương CN		Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ										Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN 2021	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ			
27	HL-00071	Nguyễn Văn Nam	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	7.425	7.432.642			9	1.831.500	1	203.500				9.467.642	423.300	79.400	53.000		89.100	55.000					699.800	8.767.842	
28	HL-00279	Cao Văn Trường	Tổ trưởng cơ động	5.978.000	26	A	7.425	7.432.642					1	229.923		149.000		7.811.565	490.200	92.000	61.300		71.700	55.000					770.200	7.041.365	
29	HL-00800	Hà Văn Huy	Đội phó bảo vệ	5.978.000	19	A	10.380	10.390.684			8	1.839.385	1	229.923		178.800		12.638.792	492.600	92.400	61.600		119.900	55.000			292.000		1.113.500	11.525.292	
30	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	5.291.000	22	A	7.425	7.432.642			7	1.424.500	1	203.500				9.060.642	423.300	79.400	53.000		85.000	55.000					695.700	8.364.942	
31	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	10.080	10.090.375					1	185.000		149.000		10.424.375	396.800	74.400	49.600		99.000	55.000			292.000		966.800	9.457.575	
32	HL-01912	Phạm Quang Tuyến	NV bảo vệ	5.291.000	20	A	7.425	7.432.642			9	1.831.500	1	203.500				9.467.642	423.300	79.400	53.000		89.100	55.000					699.800	8.767.842	
33	HL-02238	Nguyễn Hữu Tú	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	10.080	10.090.375					1	191.615		149.000		10.430.990	410.500	77.000	51.400		98.900	55.000					692.800	9.738.190	
34	HL-02312	Tống Văn Đảng	NV bảo vệ	5.978.000	22	A	7.425	7.432.642			7	1.609.462	1	229.923				9.272.027	478.300	89.700	59.800		86.400	55.000			267.000		1.036.200	8.235.827	
35	HL-02396	Dương Viết Tuyến	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	10.080	10.090.375					1	191.615				10.281.990	398.600	74.800	49.900		97.600	55.000					675.900	9.606.090	
36	HL-03004	Nguyễn Hồng Cường	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	6.930	6.937.133					1	203.500				7.140.633	423.300	79.400	53.000		65.800	55.000					676.500	6.464.133	
37	HL-04209	Nguyễn Văn Thắng	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	7.425	7.432.642					1	191.615				7.624.257	398.600	74.800	49.900		71.000	55.000					649.300	6.974.957	
38	HL-04278	Hoàng Xuân Bá	Đội phó bảo vệ	5.291.000	26	A	10.380	10.390.684					1	203.500		178.800		10.772.984	437.600	82.100	54.700		102.000	55.000					731.400	10.041.584	
39	HL-06523	Dương Đình Thảo	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	10.380	10.390.684					1	185.000		149.000		10.724.684	384.900	72.200	48.200		102.200	55.000					662.500	10.062.184	
40	HL-05488	Nguyễn Văn Tuấn	NV bảo vệ	4.982.000	23	A	7.425	7.432.642			6	1.149.692	1	191.615				8.773.949	398.600	74.800	49.900		82.500	55.000					660.800	8.113.149	
5	**23**	**Tổ bảo vệ KV Khe Chàm**			**646**		**250.337**	**250.594.575**			**77**	**16.604.847**	**28**	**6.015.075**		**298.000**		**273.512.497**	**12.536.600**	**2.351.500**	**1.568.500**		**2.570.700**	**1.540.000**	**1.172.600**		**673.100**		**22.413.000**	**251.099.497**	
41	HL-00216	Đặng Tài Tuệ	NV bảo vệ	5.978.000	15	A	10.260	10.270.560			11	2.529.154	1	229.923				13.029.637	478.300	89.700	59.800		124.000	55.000					806.800	12.222.837	
42	HL-00221	Nguyễn Quốc Cường	NV bảo vệ	5.291.000	16	A	10.530	10.540.838			8	1.628.000	1	203.500				12.372.338	423.300	79.400	53.000		118.200	55.000	286.000				1.014.900	11.357.438	
43	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.095	7.102.303					1	203.500				7.305.803	423.300	79.400	53.000		67.500	55.000			292.000		970.200	6.335.603	
44	HL-00484	Nguyễn Trung Phương	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	8.415	8.423.661					1	229.923				8.653.584	478.300	89.700	59.800		80.300	55.000					763.100	7.890.484	
45	HL-00493	Hoàng Minh Hoài	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	13.185	13.198.571					1	229.923				13.428.494	478.300	89.700	59.800		128.000	55.000					810.800	12.617.694	
46	HL-00814	Nguyễn Anh Tuấn	NV bảo vệ	5.978.000	20	A	6.435	6.441.623			6	1.379.538	1	229.923				8.051.084	478.300	89.700	59.800		74.200	55.000					757.000	7.294.084	
47	HL-01838	Dương Văn Chín	NV bảo vệ	5.291.000	15	A	7.178	7.184.888			11	2.238.500	1	203.500				9.626.888	423.300	79.400	53.000		90.700	55.000	314.600				1.016.000	8.610.888	
48	HL-01856	Đoàn Nguyên Thứ	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.505	8.513.754					1	203.500				8.717.254	423.300	79.400	53.000		81.600	55.000					692.300	8.024.954	
49	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	8.505	8.513.754					1	229.923				8.743.677	478.300	89.700	59.800		81.200	55.000	57.200				821.200	7.922.477	
50	HL-02008	Đào Ngọc Thịnh	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.920	7.928.152					1	203.500				8.131.652	423.300	79.400	53.000		75.800	55.000					686.500	7.445.152	
51	HL-02038	Phạm Văn Dũng	Đội trưởng bảo vệ	6.184.000	26	A	10.800	10.811.116					1	237.846				11.048.962	494.800	92.800	61.900		104.000	55.000					808.500	10.240.462	
52	HL-02046	Nguyễn Hồng Quân	NV bảo vệ	5.978.000	16	A	7.425	7.432.642			7	1.609.462	1	229.923				9.272.027	478.300	89.700	59.800		86.400	55.000					769.200	8.502.827	
53	HL-02892	Nguyễn Văn Hải	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	7.590	7.597.812					1	229.923				7.827.735	478.300	89.700	59.800		72.000	55.000					754.800	7.072.935	
54	HL-03313	Ngô Văn Hoàng	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.590	7.597.812					1	203.500				7.801.312	423.300	79.400	53.000		72.500	55.000					683.200	7.118.112	
55	HL-03641	Nguyễn Hải Đăng	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	12.177	12.189.534					1	203.500		149.000		12.542.034	435.300	81.700	54.500		119.700	55.000					746.200	11.795.834	
56	HL-04096	Nguyễn Khắc Kiên	NV bảo vệ	5.978.000	17	A	8.505	8.513.754			9	2.069.308	1	229.923				10.812.985	478.300	89.700	59.800		101.900	55.000	286.000				1.070.700	9.742.285	
57	HL-04215	Nguyễn Mạnh Trường	Tổ trưởng bảo vệ	4.982.000	26	A	10.530	10.540.838					1	191.615				10.732.453	398.600	74.800	49.900		102.100	55.000					680.400	10.052.053	
58	HL-06960	Đoàn Tuấn Anh	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	14.193	14.207.609					1	185.000				14.392.609	384.900	72.200	48.200		138.900	55.000					699.200	13.693.409	
59	HL-07569	Bùi Thanh Giang	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	6.930	6.937.600					1	191.615				7.129.215	398.600	74.800	49.900		66.100	55.000			381.100		1.025.500	6.103.715	
60	HL-01527	Hoàng Văn Thanh	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	7.425	7.433.066					1	229.923				7.662.989	478.300	89.700	59.800		70.400	55.000					753.200	6.909.789	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương CN		Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ										Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN 2021	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ			
61	HL-00718	Nguyễn Tuấn Khải	NV bảo vệ	4.810.000	18	A	8.753	8.761.509			8	1.480.000	1	185.000				10.426.509	384.900	72.200	48.200		99.200	55.000					659.500	9.767.009	
62	HL-02152	Đào Văn Bình	Tổ trưởng bảo vệ	5.978.000	26	A	8.753	8.761.875					1	229.923		149.000		9.140.798	490.200	92.000	61.300		85.000	55.000					783.500	8.357.298	
63	HL-02804	Lê Khắc Đạo	NV bảo vệ	5.291.000	17	A	8.753	8.761.509			9	1.831.500	1	203.500				10.796.509	423.300	79.400	53.000		102.400	55.000					713.100	10.083.409	
64	HL-02827	Nguyễn Hoàng Đồng	Bảo vệ cơ động	5.978.000	26	A	9.248	9.257.673					1	229.923				9.487.596	478.300	89.700	59.800		88.600	55.000					771.400	8.716.196	
65	HL-02943	Vũ Tuấn Khanh	NV bảo vệ	5.978.000	18	A	10.283	10.293.084			8	1.839.385	1	229.923				12.362.392	478.300	89.700	59.800		117.300	55.000	228.800				1.028.900	11.333.492	
66	HL-02884	Nguyễn Văn Thuội	Bảo vệ cơ động	5.978.000	26	A	7.425	7.432.642					1	229.923				7.662.565	478.300	89.700	59.800		70.300	55.000					753.100	6.909.465	
67	HL-02805	Vũ Nhiên Tản	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.505	8.513.754					1	203.500				8.717.254	423.300	79.400	53.000		81.600	55.000					692.300	8.024.954	
68	HL-00154	Vũ Ngọc Vần	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	7.425	7.432.642					1	203.500				7.636.142	423.300	79.400	53.000		70.800	55.000					681.500	6.954.642	
6	**24**	**Tổ bảo vệ KV Tân Lập**			**458**		**163.499**	**163.666.902**			**36**	**7.669.500**	**21**	**4.519.229**		**625.800**		**176.481.431**	**8.461.300**	**1.587.100**	**1.058.900**		**1.653.800**	**1.045.000**	**858.000**		**599.000**		**15.263.100**	**161.218.331**	
69	HL-00073	Khổng Thanh Sơn	Đội trưởng bảo vệ	6.184.000	26	A	14.160	14.174.575					1	237.846		298.000		14.710.421	518.600	97.300	64.900		140.300	55.000					876.100	13.834.321	
70	HL-00240	Nguyễn Văn Quyết	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	8.528	8.536.778					1	203.500				8.740.278	423.300	79.400	53.000		81.800	55.000			292.000		984.500	7.755.778	
71	HL-00270	Vũ Văn Bình	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	7.098	7.105.306					1	229.923				7.335.229	478.300	89.700	59.800		67.100	55.000			307.000		1.056.900	6.278.329	
72	HL-00908	Đinh Bá Thi	Đội phó bảo vệ	6.184.000	26	A	13.620	13.634.019					3	713.538		178.800		14.526.357	509.100	95.500	63.700		138.600	55.000					861.900	13.664.457	
73	HL-01495	Bùi Văn Ngạn	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	6.682	6.688.878					1	191.615				6.880.493	398.600	74.800	49.900		63.600	55.000					641.900	6.238.593	
74	HL-01814	Nguyễn Minh Đức	NV bảo vệ	5.291.000	20	A	5.670	5.675.836			14	2.849.000	1	203.500				8.728.336	423.300	79.400	53.000		81.700	55.000					692.400	8.035.936	
75	HL-01960	Phạm Trúc Định	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	5.090	5.094.854					1	229.923				5.324.777	478.300	89.700	59.800		47.000	55.000					729.800	4.594.977	
76	HL-02030	Nguyễn Văn Dân	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.055	8.063.291					1	203.500				8.266.791	423.300	79.400	53.000		77.100	55.000					687.800	7.578.991	
77	HL-02336	Bùi Công Phóng	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	11.347	11.358.679					1	203.500				11.562.179	423.300	79.400	53.000		110.100	55.000					720.800	10.841.379	
78	HL-02417	Lý Văn Lâm	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	11.347	11.358.679					1	191.615		149.000		11.699.294	410.500	77.000	51.400		111.600	55.000					705.500	10.993.794	
79	HL-03934	Trần Huy Toàn	NV bảo vệ	5.291.000	15	A	8.055	8.063.291			9	1.831.500	1	203.500				10.098.291	423.300	79.400	53.000		95.400	55.000	143.000				849.100	9.249.191	
80	HL-03938	Phạm Văn Giáp	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	10.530	10.540.838					1	203.500				10.744.338	423.300	79.400	53.000		101.900	55.000	114.400				827.000	9.917.338	
81	HL-05297	Đỗ Thế Trọng	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	6.240	6.246.423					1	229.923				6.476.346	478.300	89.700	59.800		58.500	55.000					741.300	5.735.046	
82	HL-02828	Tạ Văn Hồng	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	5.670	5.675.836					1	203.500				5.879.336	423.300	79.400	53.000		53.200	55.000					663.900	5.215.436	
83	HL-03113	Nguyễn Văn Nhiễu	NV bảo vệ	5.978.000	21	A	7.371	7.378.587			4	919.692	1	229.923				8.528.202	478.300	89.700	59.800		79.000	55.000	143.000				904.800	7.623.402	
84	HL-03802	Vũ Văn Hùng	Tổ trưởng cơ động	5.291.000	26	A	9.331	9.340.604					1	203.500				9.544.104	423.300	79.400	53.000		89.900	55.000					700.600	8.843.504	
85	HL-00070	Nguyễn Gia Chính	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	8.505	8.513.754					1	203.500				8.717.254	423.300	79.400	53.000		81.600	55.000	114.400				806.700	7.910.554	
86	HL-03808	Trịnh Văn Minh	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	10.530	10.540.838					1	203.500				10.744.338	423.300	79.400	53.000		101.900	55.000	114.400				827.000	9.917.338	
87	HL-03956	Nguyễn Hữu Tiến	Bảo vệ cơ động	5.978.000	12	A	5.670	5.675.836			9	2.069.308	1	229.923				7.975.067	478.300	89.700	59.800		73.500	55.000	228.800				985.100	6.989.967	
Tổng cộng					**2.041**		**654.506**	**738.538.000**	**10**	**5.414.000**	**179**	**38.153.770**	**93**	**20.564.070**	**148.417**	**4.842.500**	**3.813.810**	**811.474.567**	**40.514.400**	**7.599.500**	**5.069.400**	**273.000**	**7.582.700**	**4.785.000**	**2.030.600**	**800.000**	**3.257.200**	**468.000**	**72.379.800**	**739.094.767**	

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 12 năm 2021

LẬP BIỂU	PHÒNG TCNS	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng